

Bản án số: 05/2024/DSST

Ngày: 29-01-2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Hữu Loan.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Ngọc Phi.

2. Bà Đỗ Thị Ngân.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024, tại Phòng xét xử, Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 198/2023/TLST-DS ngày 10 tháng 8 năm 2023, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2023/QĐXX-DS ngày 18 tháng 12 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2024/QĐST-HPT ngày 11/01/2024, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Kim H, sinh năm 1965.

Địa chỉ: Tổ 04, thôn V, xã C, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

*Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Thái Thanh T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Tổ 06, ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

*Bị đơn:* Ông Lê Văn C, sinh năm 1972 và bà Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Tổ 04, thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn Q, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Tổ 04, thôn H, xã C, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(*Ông T, ông C và bà B có mặt; bà H, ông Q vắng mặt.*)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện, các văn bản làm việc tại Tòa án, nguyên đơn bà Lê Thị Kim H do ông Thái Thanh T làm đại diện theo ủy quyền trình bày:***

Do có mối quan hệ quen biết, vợ chồng ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị Ngọc B cần một số vốn để làm ăn. Sau khi thỏa thuận, ngày 21/10/2020 bà H có cho vợ chồng ông C, bà B vay mượn số tiền là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng). Thời hạn vay mượn trong vòng 01( một) năm, lãi suất tự thỏa thuận. Vì là chỗ quen biết nên bà H và vợ chồng ông C, bà B chỉ ghi bằng giấy tay vào ngày 21/10/2020 để làm tin chứ không có ra công chứng và vợ chồng ông C, bà B cam kết sau thời hạn 01(một) năm sẽ trả đủ khoản tiền vay mượn trên cho bà H. Việc vay mượn có chữ ký và chữ viết của ông Lê Văn C và bà H đã giao đủ số tiền 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) cho vợ chồng ông C, bà B. Việc vay mượn này chỉ có bà H cho vợ chồng ông C, bà B vay mượn, không liên quan gì đến chồng bà H.

Từ khi cho vay mượn xong, bà H vẫn thường xuyên liên lạc với vợ chồng ông C, bà B để yêu cầu trả số tiền vay mượn cho bà H. Đến thời hạn 01( một) năm, bà H yêu cầu vợ chồng ông C, bà B trả số tiền vay mượn trên cho bà H. Lúc đó, vợ chồng ông C, bà B chưa có tiền trả nên có xin bà H khất lại 01(một) năm nữa sẽ trả cho bà H. Vì tin tưởng và giúp đỡ cho vợ chồng ông C, bà B nên bà H cũng đồng ý.

Tuy nhiên, đến nay đã hết thời hạn thì vợ chồng ông C, bà B đã không giữ đúng lời hứa theo thỏa thuận. Nhiều lần bà H gọi điện yêu cầu vợ chồng ông C và bà B trả số tiền nêu trên thì vợ chồng ông C và bà B cố tình không nghe máy, trốn tránh việc trả nợ. Đến nay, đã quá thời hạn nhưng vợ chồng ông C và bà B vẫn không trả cho bà H số tiền nêu trên theo như cam kết. Bà H đã nhiều lần xuống nhà gặp trực tiếp vợ chồng ông C và bà B để yêu cầu vợ chồng ông C và bà B trả số tiền vay mượn nêu trên cho bà H nhưng vợ chồng ông C và bà B cứ phớt lờ, cố tình tránh né, cố tình không chịu gặp bà H để trả nợ. Bà H đã nhiều lần xuống nhà nhưng vợ chồng ông C và bà B vẫn nhất quyết không chịu trả. Điều này làm ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của bà H.

Theo đơn khởi kiện và các biên bản hòa giải tại Tòa án, bà H yêu cầu Tòa án Nhân dân huyện Châu Đức buộc ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị Ngọc B phải trả cho bà H số tiền là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi suất tính từ ngày 21/10/2020 đến ngày 08/08/2023 là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Tổng cộng là 660.000.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi triệu đồng chẵn).

Nay tại phiên tòa ông C, bà B đồng ý trả nợ nên bà H yêu cầu ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị Ngọc B phải trả cho bà H số tiền gốc là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng). Bà H rút lại phần yêu cầu ông C, bà B trả tiền lãi là 60.000.000 đồng.

***Bị đơn ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị Ngọc B trình bày:***

Ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị Ngọc B và bà Lê Thị Kim H là chỗ quen biết nhau. Vì cần vốn làm ăn và là chỗ quen biết nên vào năm 2017 thì ông C và bà B có mượn của bà H nhiều lần và nhiều đợt, khi mượn 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu), khi mượn 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), khi mượn nhiều nhất là

250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng)...tổng cộng tất cả các lần mượn là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng). Số tiền mượn này một phần là mượn cho vợ chồng ông C, bà B và một phần mượn thay cho em chồng là ông Lê Văn Quý, sinh năm 1981. Địa chỉ: Tổ 04, thôn Hiệp C, xã Cù Bị, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để làm ăn (Cụ thể em chồng mở công ty buôn bán thức ăn gia súc). Việc vay mượn từng đợt thì có giấy tờ vay mượn từng đợt và có chữ ký của bà Nguyễn Thị Ngọc B. Việc vay mượn các bên tự thỏa thuận lãi suất, với lãi suất thỏa thuận 30%/tháng (Việc tính lãi này do bà H tính lãi và vợ chồng ông C, bà B trả tiền lãi và ông C, bà B không giữ bất kỳ giấy tờ tính lãi nào từ bà H). Trong khoảng thời gian từ năm 2017 đến năm 2020 thì vợ chồng ông C, bà B có trả cho bà H được số tiền gốc là 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng), còn lại 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) tiền gốc.

Sau đó, khoảng tháng 10 năm 2020 vì cần vốn làm ăn tiếp nên em chồng có gọi điện thoại cho bà H mượn thêm tiếp 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng), lãi suất tính theo ngày tháng (Việc tính lãi này do bà H tính lãi và lãi suất giữa bà H và em chồng thỏa thuận là 2.000 đồng (Hai ngàn đồng)/1.000.000 (một triệu đồng)/ngày và ông Quý không giữ bất kỳ giấy tờ tính lãi nào từ bà H). Sau đó, bà Nguyễn Thị Ngọc B có đến gặp bà H và nhận thay cho em chồng là ông Lê Văn Quý, sinh năm 1981 số tiền là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

Tất cả số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) là do bà H đưa trực tiếp cho bà Nguyễn Thị Ngọc B. Sau đó, bà H có gọi điện thoại cho vợ chồng ông C, bà B đến nhà bà H để ghi giấy mượn tiền. Giấy mượn tiền ngày 21/10/2020 do bà H cung cấp cho Tòa án là do ông Lê Văn C viết và ký, ghi rõ họ tên để chốt lại số tiền vay là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) tiền gốc. Ngày viết giấy mượn tiền là ngày bao nhiêu thì ông C và bà B không nhớ. Việc em chồng là ông Lê Văn Quý nhờ ông C và bà B vay tiền là nhờ bằng miệng, không có giấy tờ gì. Hiện ông Quý đã bỏ đi khỏi địa phương, đi đâu và làm gì thì ông C và bà B không biết.

Nay bà H yêu cầu Tòa án Nhân dân huyện Châu Đức buộc ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị Ngọc B phải trả cho bà H số tiền là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi suất tính từ ngày 21/10/2020 đến ngày 08/08/2023 là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Tổng cộng là 660.000.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi triệu đồng chẵn) thì ông C và bà B đồng ý trả cho bà H số tiền nêu trên nhưng vì hiện nay do gia đình làm ăn khó khăn, đang nuôi mẹ già và nuôi con ăn học, em chồng đã bỏ đi khỏi địa phương nên ông C, bà B đồng ý hàng tháng trả cho bà H số tiền 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng)/tháng cho đến khi trả hết số tiền nợ trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về tố tụng Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án khi thụ lý vụ kiện bà H yêu cầu ông C, bà B trả cho bà H số tiền vay là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) và tiền lãi suất tính từ ngày 21/10/2020 đến ngày 08/08/2023 là 60.000.000 đồng (Sáu mươi triệu đồng). Tổng cộng là 660.000.000 đồng (Sáu trăm sáu mươi triệu đồng)

chấn). Tại phiên tòa bà H yêu cầu ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị Ngọc B phải trả cho bà H số tiền gốc là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng). Yêu cầu của bà H là có cơ sở và phù hợp nên Tòa án cần xử chấp nhận yêu cầu này của bà H. Bà H rút lại phần yêu cầu ông C, bà B trả tiền lãi thì cần đình chỉ giải quyết phần này.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Bà Lê Thị Kim H khởi kiện yêu cầu ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị Ngọc B trả cho bà H nợ vay số tiền là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng chẵn) nên đây là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Nơi cư trú của ông C, bà B là xã Cù Bị, huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà H vắng mặt nhưng đã ủy quyền tham gia tố tụng cho ông T nên Tòa án xét xử vắng mặt bà H; Ông Quý đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và đây là lần vắng mặt thứ hai nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Quý là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Bà H rút lại phần yêu cầu ông C, bà B trả tiền lãi 60.000.000 đồng thì đình chỉ giải quyết phần này.

Xét yêu cầu đòi ông C, bà B trả số tiền nợ vay là **600.000.000** đồng (Sáu trăm triệu đồng) thấy:

Qua nội dung vụ kiện cho thấy bà Lê Thị Kim H, ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị Ngọc B đều thông nhất là bà H có cho ông C, bà B vay tiền gồm nhiều lần. Sau đó các bên có lập Giấy mượn tiền ngày 21/10/2020. Theo ông C, bà B thì trong số tiền vay của bà H thì ông C, bà B có đưa một phần cho ông Lê Văn Quý làm ăn. Ông C, bà B xin trả dần dần nợ cho bà H với mức là 500.000 (năm trăm ngàn) đồng một tháng. Tuy nhiên ý kiến trình bày xin trả dần dần tiền nợ của ông C, bà B không được bà H đồng ý. Như vậy việc bà H yêu cầu ông C, bà B trả nợ là có cơ sở và phù hợp.

Do đó căn cứ vào các Điều 463, Điều 466, Điều 471 của [Bộ luật dân sự năm 2015](#) chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim H buộc ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị Ngọc B phải trả cho bà H số tiền nợ vay là **600.000.000** đồng (Sáu trăm triệu đồng).

[3] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị Ngọc B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (sau đây viết tắt là DSST) có giá ngạch là 20.000.000 đồng + 200.000.000 đồng x 4% = 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng).

Hoàn trả lại cho bà H số tiền 15.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà H đã nộp theo biên lai số 0008769 ngày 10/8/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Đức.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 471 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Tuyên xử:

Đình chỉ giải quyết phần bà Lê Thị Kim H yêu cầu ông Lê Văn C và bà Nguyễn Thị Ngọc B trả số tiền nợ lãi là **60.000.000** đồng (sáu mươi triệu đồng).

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Kim H về việc yêu cầu ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị Ngọc B trả cho bà H số tiền nợ vay.

Buộc ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị Ngọc B trả cho bà Lê Thị Kim H số tiền nợ vay là **600.000.000** đồng (sáu trăm triệu đồng).

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

*Về án phí:* ông Lê Văn C, bà Nguyễn Thị Ngọc B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng).

Hoàn trả lại cho bà Lê Thị Kim H 15.200.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà H đã nộp theo biên lai số 0008769 ngày 10/8/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Châu Đức.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/01/2024), đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự có quyền kháng cáo; đối với những người vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

*(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”)*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BR - VT;
- VKSND H.Châu Đức;
- Cơ quan THA dân sự H.Châu Đức;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Hữu Loan**